

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **287/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/6/2025

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định, bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Tuyết N**, sinh năm 1986. Số căn cước công dân: 045186000227. Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Dương Văn Đ**, sinh năm 1989. Số CMND: 142417429. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Các đương sự vắng mặt (nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị **Võ Thị Tuyết N** trình bày: Chị và anh **Dương Văn Đ** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 13/12/2017. Năm 2018, anh Đ đi lao động tại Đài Loan. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn làm cho tình cảm dần lạnh nhạt. Mặc dù đã tìm nhiều biện pháp khắc phục và được hai bên gia đình khuyên bảo, động viên

nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Đ.

Chị với anh Đ có hai con chung là Dương Văn N1- sinh ngày 05/9/2018 và Dương Văn T- sinh ngày 14/10/2020. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị T1 (là bố mẹ đẻ của anh Đ) phản ánh: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ và chị N sống cùng ông bà. Anh Đ đi lao động tại Đài Loan đến nay đã được 06 sáu năm nhưng không về nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế. Qua trao đổi với ông bà, anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì anh Đ cũng nhất trí ly hôn và đề nghị mỗi người nuôi một con chung. Nếu một bên nuôi cả hai con thì anh hoặc chị N đều không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị N được ly hôn anh Đ. Giao hai con chung là Dương Văn N1- sinh ngày 05/9/2018 và Dương Văn T- sinh ngày 14/10/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn là anh Dương Văn Đ hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của anh Đ ở huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn

cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Võ Thị Tuyết N và anh Dương Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K (nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 13/12/2017. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan điểm sống. Gia đình anh Đ cho rằng vợ chồng mâu thuẫn vì vấn đề kinh tế. Mặc dù các bên trình bày khác nhau nhưng đều thể hiện cuộc sống chung giữa chị N và anh Đ không hòa hợp. Thực tế vợ chồng mỗi người ở một nơi nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ nhau các vấn đề của cuộc sống trong nhiều năm nay nhưng không có biện pháp khắc phục. Hiện chị N kiên quyết xin ly hôn, anh Đ không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh Đ có hai con chung là Dương Văn N1- sinh ngày 05/9/2018, Dương Văn T- sinh ngày 14/10/2020. Anh Đ hiện đang lao động tại Đài Loan nên không đảm bảo điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Thực tế cả hai con chung hiện đang ở cùng chị N. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Võ Thị Tuyết N và anh Dương Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Dương Văn N1- sinh ngày 05/9/2018 và Dương Văn T- sinh ngày 14/10/2020 cho chị Võ Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Dương Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*do chị Kiều Thu T2 nộp thay*) theo biên lai số 0001796 ngày 21/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy